

KNOWLEDGE, ATTITUDES AND PRACTICES RELATED TO HIV/AIDS OF NURSING STUDENTS AT VINH MEDICAL UNIVERSITY

Nguyen Thi Bich Lam*, Vu Thi Thu, Nguyen Thi Nga

Vinh Medical University - 161 Nguyen Phong Sac, Hung Dung Ward, Vinh City, Nghe An Province, Vietnam

Received: 19/05/2025

Revised: 26/05/2025; Accepted: 11/06/2025

ABSTRACT

Objective: To describe the knowledge, attitudes and practices related to HIV/AIDS of nursing students at Vinh Medical University in 2024.

Research subjects and methods: Cross-sectional descriptive study on 284 nursing students at Vinh Medical University from August 2024 to April 2025. Data were collected using a pre-prepared questionnaire, designed in the form of a survey for students to fill out themselves.

Results: Of the total 284 students, the percentage of students with knowledge about HIV was 43.7%, with a total average score of 10.19 ± 2.85 . The percentage of students with positive attitudes was 48.9%. 53.9% of people think that they have the right to refuse to care for HIV patients. 49.3% of people wish they did not have to care for people with HIV. The percentage of students who do not choose to care for people with HIV is 49.3%. Students who practice safety account for 48.9%.

Conclusion: The percentage of students with general knowledge, positive attitudes and good practices about HIV/AIDS are all below 50%. Schools should increase and update students' knowledge about HIV/AIDS.

Keywords: Knowledge, attitude, practice, nursing students, HIV/AIDS.

*Corresponding author

Email: nganguyenhm291@gmail.com Phone: (+84) 396970127 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD9.3028>

Kiến thức Thái độ và Thực hành liên quan đến HIV/AIDS của Sinh viên ngành Điều dưỡng Trường Đại học Y Khoa Vinh

Nguyễn Thị Bích Lam*, Vũ Thị Thu, Nguyễn Thị Nga

Trường Đại học Y khoa Vinh - 161 Nguyễn Phong Sắc, P. Hưng Dũng, Tp. Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Ngày nhận: 19/05/2025

Ngày sửa: 26/05/2025; Ngày đăng: 11/06/2025

ABSTRACT

Mục tiêu: Mô tả kiến thức, thái độ và thực hành liên quan đến HIV/AIDS của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Y khoa Vinh năm 2024.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 284 sinh viên điều dưỡng trường đại học Y Khoa Vinh từ tháng 8/2024-4/2025. Số liệu được thu thập bằng bộ câu hỏi soạn sẵn, thiết kế dưới dạng phiếu khảo sát cho sinh viên tự điền.

Kết quả: Trong tổng số 284 sinh viên thì tỷ lệ sinh viên có kiến thức đạt về HIV là 43,7%, tổng điểm trung bình là $10,19 \pm 2,85$. Tỷ lệ sinh viên có thái độ tích cực là 48,9%. Có 53,9% số người cho rằng mình có toàn quyền từ chối chăm sóc cho bệnh nhân HIV. Có 49,3% số người mong ước không phải chăm sóc cho người có HIV. Tỷ lệ SV không lựa chọn chăm sóc cho người có HIV là 49,3%. Sinh viên có thực hành an toàn chiếm tỷ lệ 48,9%.

Kết luận: Tỷ lệ SV có kiến thức đại, thái độ tích cực và thực hành đạt về HIV/AIDS đều chiếm dưới 50%. Nhà trường nên tăng cường nâng cao và cập nhật kiến thức cho sinh viên về HIV/AIDS.

Từ khóa: Kiến thức, thái độ, thực hành, sinh viên điều dưỡng, HIV/AIDS.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, HIV/AIDS vẫn là vấn đề sức khỏe cộng đồng đáng quan ngại trên thế giới và Việt Nam. Theo thống kê của tổ chức Y tế thế giới, có khoảng 39,9 triệu người đang sống chung với HIV vào cuối năm 2023 và trung bình mỗi năm có khoảng gần 10.000 người nhiễm HIV mới được phát hiện. Yếu tố nguy cơ lây nhiễm HIV/AIDS diễn biến phức tạp, khó can thiệp. Tỷ lệ nhiễm HIV mới đa số thuộc độ tuổi từ 20-40. Nguyên nhân sự gia tăng này được cho là thay đổi về thái độ và hành vi tình dục của giới trẻ [1].

Các nghiên cứu dịch tễ học về HIV/AIDS được thực hiện trên thế giới và Việt Nam gần đây cho thấy hình thái dịch HIV/AIDS thay đổi. Yếu tố nguy cơ diễn biến phức tạp, khó can thiệp. Tỷ lệ nhiễm HIV mới đa số thuộc độ tuổi từ 20-40. Nguyên nhân sự gia tăng này được cho là thay đổi về thái độ và hành vi tình dục của giới trẻ [2,3].

Ngày nay do sẵn có điều trị bằng thuốc kháng vi-rút, HIV đang trở thành một bệnh mãn tính, có nghĩa là nhiều nhân viên y tế từ mọi lĩnh vực y tế sẽ gặp phải những người có HIV trong suốt quá trình làm việc. Điều này bắt buộc tất cả nhân viên y tế phải có kiến

thức đầy đủ chính xác đối với bệnh HIV/AIDS và thái độ chuyên nghiệp đối với người có HIV. Nhân viên y tế, sinh viên ngành Y cần không bị ảnh hưởng bởi nỗi sợ hãi, kỳ thị và quan niệm sai lầm. Trên Thế giới và Việt Nam hiện nay đã có một số nghiên cứu liên quan đến vấn đề này tuy nhiên tại Trường đại học Y khoa Vinh chưa có nghiên cứu, do đó chúng tôi tiến hành nghiên cứu với mục tiêu mô tả kiến thức, thái độ và thực hành liên quan đến HIV/AIDS của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Y khoa Vinh năm 2024.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu: Tại trường Đại học Y khoa Vinh từ tháng 9/2024 đến tháng 4/2025

2.3. Đối tượng nghiên cứu: Sinh viên ngành Điều dưỡng từ năm thứ nhất đến năm thứ tư tại Trường Đại học Khoa Vinh.

*Tác giả liên hệ

Email: nganguyenmu291@gmail.com Điện thoại: (+84) 396970127 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD9.3028>

- **Tiêu chuẩn lựa chọn:** Sinh viên ngành Cử nhân điều dưỡng hệ chính quy đang học tại Trường Đại học Y khoa Vinh năm học 2024-2025. Sinh viên đồng ý tham gia nghiên cứu.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Sinh viên đang ốm, điều trị bệnh, nghỉ học không tham gia nghiên cứu. Sinh viên từ chối tham gia nghiên cứu.

2.4. Cỡ mẫu và cách chọn mẫu

Áp dụng công thức tính cỡ mẫu:

$$n = Z^2_{1-\alpha/2} \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

+ n: là cỡ mẫu nghiên cứu

+ $Z_{1-\alpha/2}$: Giá trị Z $1-\alpha/2$ tương ứng là 1,96 với $\alpha = 5\%$

- P (tỉ lệ ước tính) = 0,80 Theo kết quả nghiên cứu của tác giả Rotem Baytner-Zamir và cộng sự có hơn 80% SV trả lời đúng hầu hết các câu hỏi về kiến thức về các con đường lây truyền HIV/AIDS, không lây truyền và điều trị HIV.

- d: Khoảng sai lệch cho phép giữa tỷ lệ thu được từ mẫu và tỷ lệ của quần thể, chọn $d = 0,05$

Thay các giá trị vào công thức, cỡ mẫu của nghiên cứu là 246, thêm khoảng 10% dự phòng trường hợp phiếu phỏng vấn không hoàn thành hoặc lỗi hỏng. Vậy cỡ mẫu nghiên cứu là 271 sinh viên.

Sử dụng công thức tính cỡ mẫu phân tầng theo tỷ lệ và tại mỗi khối/năm, sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống để lựa chọn danh sách sinh viên tham gia vào nghiên cứu. Thực tế cỡ mẫu là 284.

2.5. Kỹ thuật công cụ thu thập số liệu: Số liệu được thu thập bằng bộ câu hỏi soạn sẵn, thiết kế dưới dạng phiếu khảo sát cho sinh viên tự điền. Bộ câu hỏi gồm 4 phần:

- Phần A (A1, A2): Bảng câu hỏi thông tin chung về đặc điểm của đối tượng nghiên cứu bao gồm thông tin về tuổi, giới tính, nguồn thông tin về HIV/AIDS được tiếp nhận....

- Phần B, phần C và phần D: Sử dụng bộ câu hỏi liên quan đến kiến thức, thái độ đối với hành vi phòng ngừa HIV/AIDS, được dựa theo mẫu phỏng vấn trong nghiên cứu. Gồm 18 câu tìm hiểu kiến thức, 33 câu hỏi tìm hiểu về thái độ và 10 câu hỏi về hành vi của sinh viên điều dưỡng liên quan đến hành vi phòng ngừa HIV/AIDS: đường lây nhiễm, không lây nhiễm, điều trị, cách phát hiện và phòng ngừa sau phơi nhiễm....[3,4,5,7,8,9].

Tiêu chuẩn đánh giá sử dụng trong nghiên cứu

Phần B kiến thức: gồm 18 câu hỏi với mỗi đáp án

đúng được 1 điểm, câu trả lời sai được 0 điểm. Các câu trả lời “Không biết” được tính là câu trả lời sai. Phần C thái độ: Gồm 33 câu hỏi về thái độ sử dụng thang đo 5 mức độ Likert Scale. Trong quá trình phân tích ta nhóm thành hai nhóm thái độ tích cực và thái độ chưa tích cực. Phần D hành vi thực hành: 10 câu hỏi về các hành vi phòng ngừa HIV/AIDS, mỗi hành vi thực hành đúng được 1 điểm.

Đánh giá kiến thức:

- Kiến thức đạt: $10,8 \leq$ Tổng điểm kiến thức < 18

- Kiến thức không đạt: Tổng điểm kiến thức $< 10,8$

Đánh giá thái độ:

- Thái độ tích cực: $19,8 \leq$ Tổng điểm thái độ < 33

- Thái độ chưa tích cực: Tổng điểm thái độ $< 19,8$

Đánh giá thực hành:

- Thực hành an toàn: $8 \leq$ Tổng điểm thực hành < 10

- Thực hành không an toàn: Tổng điểm thực hành < 8 [3,4,7,8].

2.6. Phân tích và xử lý số liệu: Số liệu nhập bằng phần mềm Epidata 3.1, sau đó chuyển sang phần mềm SPSS 20.0 để phân tích.

2.7. Đạo đức nghiên cứu: Nghiên cứu được Hội đồng khoa học trường Đại học Y Khoa Vinh thông qua và những số liệu thu được chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu và đảm bảo bí mật.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm về đối tượng nghiên cứu

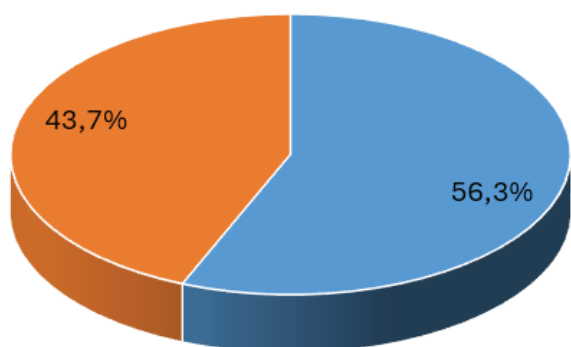
Bảng 1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm		Tần số (n= 284)	Tỷ lệ (%)
Tuổi	18 tuổi	48	16,9
	19 tuổi	36	12,7
	20 tuổi	64	22,5
	21 tuổi	112	39,4
	22 tuổi	18	6,3
	23 tuổi	5	2,2
Năm học	Năm thứ nhất	95	33,5
	Năm thứ 2	58	20,4
	Năm thứ 3	44	16,2
	Năm thứ 4	85	29,9

Đặc điểm		Tần số (n= 284)	Tỷ lệ (%)
Giới	Nam	26	9,2
	Nữ	258	90,8
Khu vực sinh sống	Thành thị	28	9,9
	Nông thôn	256	90,1
Chỗ ở hiện nay	Ở ký túc xá	23	8,1
	Ở trọ ngoài cùng bạn bè	99	34,9
	Sống cùng người yêu	5	1,8
	Sống một mình	86	30,3
	Sống cùng gia đình	71	25,0
Tôn giáo	Có	13	4,6
	Không	271	95,4
Có người yêu	Đang có	102	35,9
	Chưa từng có	94	33,1
	Đã từng có, hiện không	88	31,0

Có tất cả 270 sinh viên điều dưỡng trường đại học Y khoa Vinh độ tuổi 18 đến 23 tham gia nghiên cứu ($19,53 \pm 1,42$ tuổi). Sinh viên năm thứ nhất chiếm tỷ lệ cao nhất là 33,5%, sinh viên nữ chiếm đa số với tỷ lệ 90,8%. Sinh viên hầu hết đến từ khu vực nông thôn với 90,1%. Về chỗ ở hiện tại: Đang ở trọ ngoài cùng bạn bè chiếm tỷ lệ cao nhất 34,9%. Sinh viên đang có người yêu chiếm tỷ lệ 35,9%.

3.2. Kiến thức phòng ngừa HIV/AIDS của sinh viên điều dưỡng

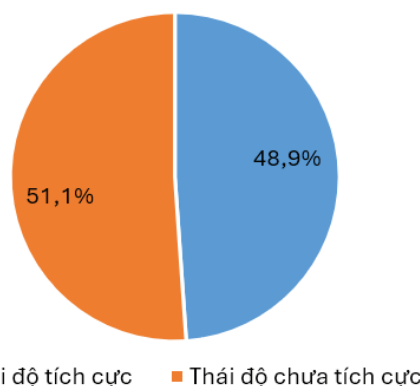


■ Kiến thức không đạt ■ Kiến thức đạt

Biểu đồ 1. Đánh giá chung về kiến thức phòng ngừa HIV/AIDS của SV điều dưỡng

Trong 284 sinh tham gia nghiên cứu sinh viên có kiến thức đạt về HIV là 43,7%, tổng điểm trung bình là $10,19 \pm 2,85$.

3.3. Thái độ, thực hành đối với HIV/AIDS của sinh viên điều dưỡng



Biểu đồ 2. Đánh giá chung về thái độ đối với HIV/AIDS của SV điều dưỡng

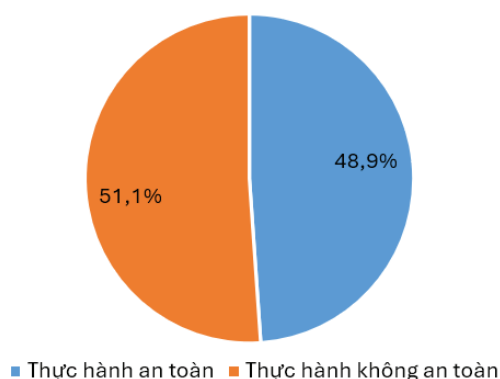
Đa số các sinh viên tham gia nghiên cứu có thái độ chưa tích cực đối với các vấn đề liên quan đến HIV chiếm tỷ lệ 51,1%. Tỷ lệ sinh viên có thái độ tích cực là 48,9%.

Bảng 2. Y học và sự kỳ thị về HIV

Thái độ về sự kỳ thị về HIV trong y học			
Tích cực		Chưa tích cực	
n	%	n	%
Sinh viên có HIV/AIDS nên bị thôi học			
201	70,8	83	29,2
Nếu một sinh viên dương tính với HIV thì các sinh viên khác cần được biết điều đó			
127	44,7	153	55,3
Một điều dưỡng dương tính với HIV nên được tiếp tục làm việc (khi đảm bảo có các biện pháp phòng ngừa phù hợp)			
133	46,8	151	53,2
Điều dưỡng có toàn quyền từ chối chăm sóc cho người nhiễm HIV/AIDS			
131	46,1	153	53,9
Tôi sẽ từ chối chăm sóc cho người nhiễm HIV/AIDS			
136	47,9	148	52,1
Tôi ước rằng sẽ không chăm sóc cho người nhiễm HIV/AIDS			
144	50,7	140	49,3
Nếu được lựa chọn, tôi không muốn chăm sóc cho người nhiễm HIV/AIDS			
144	50,7	140	49,3

Thái độ về sự kỳ thị về HIV trong y học			
Tích cực		Chưa tích cực	
n	%	n	%
Nhân viên y tế có quyền từ chối điều trị/chăm sóc cho bệnh nhân được chẩn đoán nhiễm HIV/AIDS.			
135	47,5	149	52,5
Xác suất phải làm việc với người có HIV dương tính sẽ đóng một vai trò trong lựa chọn công việc chuyên môn của tôi			
148	52,1	136	47,9

Bảng 2 cho thấy có 70,8% SV cho rằng sinh viên có HIV nên được tiếp tục học tập nhưng chỉ có 44,7% đồng ý rằng nếu một sinh viên có HIV thì nên được giữ kín. Số người cho rằng một điều dưỡng có HIV nên tiếp tục được làm việc là 46,8%. Có 53,9% số người cho rằng mình có toàn quyền từ chối chăm sóc cho bệnh nhân HIV. Có 49,3% số người mong ước không phải chăm sóc cho người có HIV. Tỷ lệ SV không lựa chọn chăm sóc cho người có HIV là 49,3%. Có 52,5% cho rằng nhân viên y tế có quyền từ chối điều trị chăm sóc cho người có HIV. Số người đồng ý rằng việc phải việc với người có HIV sẽ ảnh hưởng đến sự lựa chọn công việc của họ chiếm 47,9%.



Biểu đồ 3. Đánh giá chung về thực hành liên quan đến HIV/AIDS của SV điều dưỡng

Kết quả của biểu đồ 3 cho thấy sinh viên có thực hành an toàn chiếm tỷ lệ 48,9%.

4. BÀN LUẬN

4.1. Kiến thức phòng ngừa HIV/AIDS của sinh viên điều dưỡng

Kiến thức chung về phòng ngừa HIV/AIDS là vô cùng cần thiết đối với vị thành niên nói chung và sinh viên y nói riêng. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy tổng điểm kiến thức trung bình là $10,19 \pm 2,85$, có 43,7 % sinh viên có kiến thức đạt về phòng ngừa HIV nói chung. Tỷ lệ giữa nam và nữ trong nghiên cứu lần lượt là 9,2% và 90,8%. Không có sự khác biệt có

ý nghĩa thống kê về kiến thức giữa nam và nữ. Kết quả này thấp hơn so với kết quả của các nghiên cứu khác. Nghiên cứu của tác giả Fotear S và cộng sự đã cho thấy tỉ lệ sinh viên có kiến thức đạt về phòng ngừa HIV nói chung là 68,3% [4]. Nghiên cứu của tác giả Dalia Haroun và cộng sự có tỉ lệ sinh viên có kiến thức đạt về phòng ngừa HIV nói chung là 61% [5]. Những lỗ hổng kiến thức chủ yếu mà sinh viên gặp phải trong nghiên cứu của chúng tôi là có thể là do có những lỗ hổng trong kiến thức điều trị HIV chưa cập nhật những kiến thức mới về tiến bộ điều trị HIV cơ bản trong những năm gần đây. Còn trong các nghiên cứu trước đây chỉ tập trung vào các đường lây truyền và không lây truyền HIV, ít có những câu hỏi khai thác kiến thức về kiến thức điều trị HIV cơ bản như trong nghiên cứu này thực hiện được. Với đối tượng sinh viên điều dưỡng, trong tương lai cũng đóng vai trò tư vấn giải thích cho người có HIV, vì vậy cần thiết phải cập nhật thêm cho sinh viên điều dưỡng kiến thức về phần này.

4.2. Thái độ, thực hành đối với HIV/AIDS của sinh viên điều dưỡng

Đa số các sinh viên tham gia nghiên cứu có thái độ chưa tích cực đối với các thực hành liên quan đến người có HIV 86,3%. Sinh viên có thái độ tích cực chiếm tỷ lệ 48,9%. Kết quả của nghiên cứu cho thấy tỷ lệ sinh viên có thái độ tích cực với các hành vi liên quan đến người có HIV cao hơn các nghiên cứu tương tự. Nghiên cứu của tác giả S. Fotear và cộng sự có kết quả 4,9% có thái độ tích cực với bệnh HIV/AIDS [5] và Nghiên cứu của tác giả Mostafa Sadeghi và Hamid Hakimi cho biết chỉ có 1% có thái độ tích cực [6]. Điều này cho thấy sinh viên điều dưỡng tham gia nghiên cứu có thái độ chưa tích cực đối với bệnh HIV.

Có 70,8% SV cho rằng sinh viên có HIV nên được tiếp tục học tập nhưng chỉ có 44,7% đồng ý rằng nếu một sinh viên có HIV thì nên được giữ kín. Số người cho rằng một điều dưỡng có HIV nên tiếp tục được làm việc là 46,8%. Có 53,9% số người cho rằng mình có toàn quyền từ chối chăm sóc cho bệnh nhân HIV. Có 49,3% số người mong ước không phải chăm sóc cho người có HIV. Tỷ lệ SV không lựa chọn chăm sóc cho người có HIV là 49,3%. Có 52,5% cho rằng nhân viên y tế có quyền từ chối điều trị chăm sóc cho người có HIV. Số người đồng ý rằng việc phải việc với người có HIV sẽ ảnh hưởng đến sự lựa chọn công việc của họ chiếm 47,9%. Cao hơn so với nghiên cứu của Ehsan Zarei và cộng sự cho thấy trong nghiên cứu này, chỉ có 15,4% người tham gia nghiên cứu có thái độ tích cực. Đa số những người được hỏi (76,9%) cho biết họ sẵn sàng chăm sóc một người thân trong gia đình nhiễm HIV tại nhà, 58,8% đồng tình một giáo viên nữ nhiễm HIV nên được phép tiếp tục giảng dạy tại trường, 48,1 % sẽ mua thực phẩm và các hàng hóa khác từ một người bán hàng dương tính với HIV và 41,1% sẽ không muốn giữ bí mật nếu một thành viên

trong gia đình bị nhiễm HIV [15]. Tỷ lệ này cũng tích cực hơn so với nghiên cứu của Al-Jabri A và Al-Jabri J cho thấy Có 55% SV y và 53% SV ngoài ngành y chấp nhận việc có học sinh hoặc đồng nghiệp bị nhiễm HIV học cùng lớp và nơi làm việc [15].

Trong nghiên cứu của chúng tôi, SV có thực hành an toàn chiếm tỉ lệ 48,9% thấp hơn kết quả nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Huyền Trang năm 2021 tại trường đại học Y Hải Dương [8]. Cụ thể, Có 52,8% SV chỉ sử dụng dao cạo riêng. Kết quả này cao hơn kết quả nghiên cứu của Lê Thị Hường và cộng sự có 27,4% đối tượng đã từng sử dụng chung dao cạo râu [9]. Như vậy trong nghiên cứu của chúng tôi, sinh viên điều dưỡng cũng có kiến thức về thực hành khá tốt. Sinh viên điều dưỡng sẽ còn phải đối mặt với những hành vi thực hành nghề nghiệp có nguy cơ phơi nhiễm HIV. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 66,2% sinh viên chưa từng bị bơm kim tiêm nhọn đâm vào tay. Tỷ lệ SV chưa từng bị dịch máu của người bệnh bắn vào người là 60,9%. Có 64,8% số SV không nặn bóp máu từ vết thương sắc nhọn. Có 65,8% SV đã từng rửa vết thương chảy máu bằng xà phòng dưới vòi nước chảy. Quy trình xử lý vết thương sau tổn thương do kim tiêm và vật sắc nhọn bao gồm các bước: rửa ngay vết thương với xà phòng dưới vòi nước chảy; để vết thương chảy máu tự nhiên, không nặn bóp vết thương; băng vết thương lại. Kết quả này khá tương đồng và cao hơn một chút so với nghiên cứu của Nguyễn Thị Hà và cộng sự khi nghiên cứu kiến thức xử lý vật sắc nhọn trong tiêm truyền của sinh viên điều dưỡng trường Cao đẳng Y tế Hà Nội có tỷ lệ đạt là 62,1%. Sự tương đồng là do cùng học chuyên ngành điều dưỡng, cao hơn một chút là do sinh viên đại học có thời gian học tập lý thuyết kỹ hơn, thực hành nhiều hơn nên có kinh nghiệm xử lý [10].

5. KẾT LUẬN

Trong nghiên cứu của chúng tôi, tỉ lệ SV có kiến thức đạt đối với phòng ngừa HIV/AIDS là 43,7%. Tỉ lệ SV có thái độ tích cực đối với HIV/AIDS và tỉ lệ SV có thực hành liên quan đến HIV/AIDS đều là 48,9%. Tại trường đại học nên tổ chức giảng dạy kiến thức mới cập nhật về điều trị bệnh HIV, lồng ghép vào các môn học từ năm học thứ nhất. Tăng cường nâng cao kiến thức cho sinh viên về phần kiến thức điều trị về HIV cơ bản.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] WHO. Global HIV and AIDS statistics 2023 Fact sheet. Glob. HIV AIDS ststistics, World AIDS day 2023 Fact Sheet. 2023; 1(5): 1–6.
- [2] Avert. Young people, HIV and AIDS | Avert. <https://www.avert.org/professionals/hiv-social-issues/key-affected-populations/young-people> (accessed Apr. 03, 2025).
- [3] Baytner-Zamir R, Lorber M, Hermoni D. Assessment of the knowledge and attitudes regarding HIV/AIDS among pre-clinical medical students in Israel. BMC Res. Notes. 2014; 7(1):168.
- [4] Fotedar S, Sharma K. R, Sogi G. M, Fotedar V et al. Knowledge and attitudes about HIV/AIDS of students in H.P. Government Dental College and Hospital, Shimla, India. J. Dent. Educ. 2013; 77(9):1218–1224.
- [5] Haroun D, El Saleh O, Wood L, Mechli R, et al. Assessing Knowledge of, and Attitudes to, HIV/AIDS among University Students in the United Arab Emirates. PLoS One. 2016; 11(2): e0149920.
- [6] Sadeghi M, Hakimi H. Iranian dental students' knowledge of and attitudes towards HIV/AIDS patients. J. Dent. Educ. 2009; 73(6): 740–745.
- [7] Al-Jabri A. A, Al-Abri J. H. Knowledge and attitudes of undergraduate medical and non-medical students in Sultan Qaboos University toward acquired immune deficiency syndrome. Saudi Med. J. 2003; 24(3): 273–277.
- [8] Nguyễn Thị Huyền Trang, Trần Thị Hiền. Thực hành liên quan đến HIV/AIDS của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương. 2024 tập 535(2): 143-148.
- [9] Lê Thị Hường, Lưu Minh Châu, Đoàn Chí Hiền. Kiến thức, thái độ, hành vi về phòng chống HIV/AIDS của cán bộ chiến sĩ bộ đội biên phòng ở khu vực biên giới tỉnh Thừa Thiên Huế 2016,” Tạp chí Y học dự phòng. 2017; 27(3): 126–131.
- [10] Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Thị Lan Anh. Kiến thức, thái độ về phòng và xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn trong tiêm truyền của sinh viên điều dưỡng trường Cao đẳng Y tế Hà Nội năm 2018. [Luận văn thạc sĩ]. Đại học Y Hà Nội; 2019.